

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10/9/2021

V/v yêu cầu ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ny Hương

Ông Nguyễn Văn Hoài

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Tống Khánh Lâm – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 12/2021/ TLST-HNGĐ ngày 25/5/2021 về việc “*Yêu cầu ly hôn, nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm: 1990

Trú tại: thôn Kim C, xã Sơn K, huyện Hương S, tỉnh Hà Tĩnh (*có mặt*)

- Bị đơn: Anh Trần Đình T, sinh năm: 1990

Địa chỉ thường trú trước khi xuất cảnh: thôn Kim C, xã Sơn K, huyện Hương S, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Nhật Bản (*vắng mặt*)

Người nhận tài liệu theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Trần Đình K, sinh năm: 1963 và bà Lê Thị L, sinh năm: 1963, trú tại: thôn Kim C 1, xã Sơn K, huyện Hương S, tỉnh Hà Tĩnh (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn K kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn - chị Trần Thị Hòa trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Trần Đình T tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 02/6/2017 tại UBND xã Sơn T, huyện Hương S, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi cưới, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhỏ do tính cách giữa hai người không hòa hợp, đôi lúc còn thiếu tôn trọng và xảy ra cãi vã nhưng sau đó vợ chồng vẫn bỏ qua được cho nhau. Đến cuối năm 2019, anh T đi lao động tại Nhật Bản, từ đó những mâu thuẫn giữa chị H và anh T càng nhiều hơn và không thể cùng nhau giải quyết được. Một thời

gian dài vừa qua chị H và anh T không còn liên lạc với nhau, không quan tâm đến nhau nữa, chị H cũng không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở Nhật Bản mà chỉ biết anh vẫn thường xuyên liên lạc về với bố mẹ đẻ của anh T ở nhà. Nay, chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

- Về con chung: Giữa chị H và anh T có một con chung là cháu Trần Đình Bảo L, sinh ngày 29/11/2017. Sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi cháu L, tuy nhiên nếu anh T cũng muốn được quyền nuôi con thì chị H sẽ để con lại cho anh T và gia đình nội chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tiền cấp dưỡng hàng tháng giữa chị H và anh T sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Đình T hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, quá trình giải quyết vụ án không thể về Việt Nam do công việc. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương anh T cư trú trước khi xuất cảnh; làm việc với bố, mẹ đẻ anh là ông Trần Đình K, sinh năm: 1963 và bà Lê Thị L, sinh năm: 1963, trú tại: thôn Kim C, xã Sơn K 1, huyện Hương S, tỉnh Hà Tĩnh, để gọi điện (ghi âm, ghi hình) qua tài khoản mạng xã hội với anh T do gia đình cung cấp, có sự chứng kiến của chính quyền địa phương, lập thành văn bản, nội dung thể hiện:

Hiện anh T đang làm việc tại Nhật Bản không thể về Việt Nam để giải quyết vụ án, việc chị H xin ly hôn anh đã biết. Nguyên nhân là do quan điểm giữa vợ chồng không đồng nhất, hiện cũng đang sống xa nhau, tình cảm không còn được như trước và giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nay chị H muốn ly hôn thì anh đồng ý thuận tình ly hôn. Vì lý do công việc anh không thể về Việt Nam nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh và ủy quyền cho bố mẹ anh T là ông Trần Đình K và bà Lê Thị L nhận tài các tài liệu do Tòa án gửi.

Về con chung: giữa anh T và chị H có một con chung là cháu Trần Đình Bảo L, sinh ngày 29/11/2017. Sau khi ly hôn, anh đề nghị được quyền nuôi cháu L, hiện anh đang ở nước ngoài nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ để cho bố mẹ đẻ của anh là ông K và bà L thực hiện, hàng tháng anh sẽ gửi tiền cấp dưỡng nuôi con về cho ông K, bà L và không yêu cầu chị H gửi tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, không nợ ai và không cho ai vay.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc đã đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a tiểu mục 2.1 mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, chấp nhận yêu cầu của các đương sự, quyết định:

Về tình cảm: chấp nhận giải quyết ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trần Đình T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Đình Bảo L, sinh ngày 29/11/2017 cho chị anh Trần Đình T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, trong thời gian anh T vắng mặt giáo cháu L cho ông Trần Đình K và bà Lê Thị L chăm sóc,

nuôi dưỡng. Chị H có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc chị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Trần Đình T hiện đang làm việc tại Nhật Bản, theo công văn số 4237/QLXNC-P5 ngày 25/02/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh thì anh T đã xuất nhập cảnh và hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã thụ lý vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Tòa án đã yêu cầu gia đình anh T cung cấp địa chỉ cụ thể của anh tại Nhật Bản, tuy nhiên anh T khai rằng, lúc sang Nhật Bản anh làm việc tại một công ty có địa chỉ tại Y Si Ba Sy Tô Chi Gô, tỉnh O Da Ma nhưng sau đó anh đã bỏ công ty này để ra ngoài làm nên hiện nay không có địa chỉ cụ thể, gia đình anh T cũng không cung cấp địa chỉ hiện nay của anh. Do vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Vì điều kiện công việc nên anh T yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử và các tài liệu, văn bản tố tụng liên quan đến vụ án đề nghị Tòa án gửi về cho bố, mẹ đẻ của anh là ông Trần Đình K và bà Lê Thị L (trú tại: thôn Kim C, xã Sơn K 1, huyện Hương S, tỉnh Hà Tĩnh) nhận thay. Ông K, bà L đã đồng ý nhận các tài liệu và cam đoan thông báo cho anh T biết việc Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh T và chị H. Phiên tòa mở lần thứ hai nhưng anh T tiếp tục vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh T theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Trần Đình T được hình thành trên cơ sở tự nguyện và được đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 02/6/2017 tại UBND xã Sơn T, huyện Hương S, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, được một thời gian thì bắt đầu xảy ra những bất đồng về quan điểm sống nhưng vợ chồng đã cùng nhau giải quyết được, đến khi anh T đi lao động tại Nhật Bản thì mâu thuẫn giữa hai người lại phát sinh và trở nên sâu sắc từ đó vợ chồng ít còn liên lạc với nhau. Do sống xa nhau nên khi phát sinh mâu thuẫn thì không thể cùng nhau hòa giải được, thấy tình cảm vợ chồng không còn, nay chị H xin ly hôn, anh T đồng ý.

Mục đích hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc nhưng cuộc hôn nhân giữa chị H và anh T không đạt được mục đích đó.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật. Vợ chồng sống mỗi người một nơi không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân

không đạt được nên cần căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu công nhận thuận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị H đối với anh Trần Đình T.

[2.2] Về con chung:

Vợ chồng chị Trần Thị H, anh Trần Đình T có 01 con chung là cháu Trần Đình Bảo L, sinh ngày 29/11/2017, chị H có nguyện vọng nuôi con, tuy nhiên nếu anh T cũng yêu cầu quyền nuôi con thì chị H sẽ để anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giữa chị H và anh T sẽ tự thỏa thuận việc cấp dưỡng hàng tháng. Anh T cũng yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Xét thấy sự thỏa thuận này của đương sự là hoàn toàn tự nguyện và đúng pháp luật, nên chấp nhận việc để anh T nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L, tuy nhiên hiện nay anh T không ở Việt Nam, do vậy, giao cháu L cho ông Trần Đình K, bà Lê Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi anh T trở về Việt Nam. Chị H có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn: chị Trần Thị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ các Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết các vụ án có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Trần Thị H ly hôn anh Trần Đình T.

2. Về con chung: Xử giao con chung là Trần Đình Bảo L, sinh ngày 29/11/2017 cho anh Trần Đình T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác, chị H và anh T tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên hiện nay anh T không ở Việt Nam, do vậy, giao cháu L cho ông Trần Đình K, bà Lê Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi anh T trở về Việt Nam. Chị H có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000128 ngày 23/02/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh, nay không phải nộp nữa.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời

hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án (hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật).

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THSDS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Sơn T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hải